

Bản số: 13 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 5- 2019

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Quốc Việt

2. bà Trần Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị N, sinh năm 1986

- Bị đơn: Anh Triệu Văn H, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Xóm M, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng cùng gia đình nhà chồng tại xóm Mỏ Sắt, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, vợ chồng không hoà thuận, hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra do anh H mải rượu chè, không quan tâm đến vợ con. Năm 2016, do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân, chị N về bên nhà bố mẹ đẻ ở cùng xã cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là: Triệu Sinh D, sinh ngày 17/01/2016 và Triệu Thị Phương U, sinh ngày 15/11/2008. Từ khi vợ chồng sống ly

thân, cả hai con đều ở với chị. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Triệu Văn H đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không cung cấp lời khai cho Tòa án. Tuy nhiên, tại các biên bản xác minh của tòa án án tại gia đình anh Triệu Văn H, đại diện thân nhân của anh H là anh Triệu Văn T (em trai ruột anh H) cho biết: Anh H và chị N là vợ chồng, sau khi kết hôn được bố mẹ dựng nhà Ný bên cạnh nhà anh (anh Trung sống cùng bố mẹ đẻ), vợ chồng sống bình thường nhưng anh H thường xuyên rượu chè nên cách đây vài năm chị N cùng các con chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở cùng xã sống ly thân với anh H cho đến nay. Thỉnh thoảng anh H đón con về chơi hoặc chị N đưa con về thăm bố và gia đình bên chồng. Anh H cũng đi làm ăn thì thoảng mới về nhà và liên lạc chủ yếu với em trai là anh Trung. Hiện nay anh H và chị N không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh H và chị N có 02 con chung, hiện nay các con đang ở với mẹ là chị N. Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, anh T đã liên lạc và thông báo đầy đủ nội dung các văn bản của tòa án cho anh H biết nhưng anh H không có ý kiến gì.

Tại đơn đề nghị của cháu Triệu Thị Phương U và cháu Triệu Sinh D, cả hai cháu thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ để ổn định cuộc sống.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn về cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị N, cho chị N được ly hôn anh H. Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H vì chị N không yêu cầu. Về tài sản chung: Không giải quyết.

Về án phí: chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa các đương sự đều có Hộ khẩu thường trú tại huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã triệu tập hợp lệ bị đơn để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn không có mặt nên Toà án không thể tiến hành hoà giải được. Toà án cũng đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên toà cho bị đơn nhưng cả hai lần mở phiên toà anh H đều vắng mặt nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị N và anh Triệu Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân do người thân của bị đơn cung cấp thấy , quá trình chung sống, vợ chồng không hoà thuận, hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra do anh H mải rượu chè, không quan tâm đến vợ con, chị N và anh H chung sống không hạnh phúc nên nhiều năm nay hiện cả hai đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Khi Toà án giải quyết vụ án, anh H có biết thông tin nhưng không có ý kiến gì. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa chị N và anh H không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm, thương yêu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn nhưng anh H không có ý kiến níu kéo cuộc hôn nhân. Tại phiên toà, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là: Triệu Sinh D, sinh ngày 17/01/2016 và Triệu Thị Phương U, sinh ngày 15/11/2008. Cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyện vọng của hai con và của chị N là phù hợp và cần được chấp nhận vì từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai con đều ở với chị N. Do vậy, cần thiết giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con khi bố mẹ ly hôn.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H vì chị N không có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thoả thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Triệu Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Do chị N chỉ thuộc hộ nghèo của năm 2018 nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nhưng năm 2019 chị N không thuộc hộ nghèo nên buộc phải chịu tiền án phí sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 175, 177, 196, 220, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Triệu Thị N, cho chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Triệu Văn H.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Triệu Sinh D, sinh ngày 17/01/2016 và Triệu Thị Phương U, sinh ngày 15/11/2008 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H vì chị N không yêu cầu. Anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Triệu Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước (Do chị N chỉ thuộc hộ nghèo của năm 2018 nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nhưng năm 2019 chị N không thuộc hộ nghèo nên buộc phải chịu tiền án phí sung quỹ Nhà nước).

Án xử công khai có mặt nguyên đơn (chị N), vắng mặt bị đơn (anh H). Báo cho chị N biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh H biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh và huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ .
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Quang Tuấn

4. Án phí:

Chị Triệu Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HĐXX

(Ký, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Tuấn

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn

